

Số: 1096/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá đất cụ thể (phương án giá đất) làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Nút giao thông khác mức đường Hùng Vương – Quốc lộ 1 tại An Phú, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 44/2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 về việc quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Phú Yên; số 20/2018/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2016; số 31/2019/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2016; số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 về việc ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 05 năm (2020-2024); số 237/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 về việc phê duyệt kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2020 trên địa bàn thành phố Tuy Hòa;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (tại Tờ trình số 1730/TTr-STC ngày 23/6/2020); kèm theo Biên bản họp các ngành ngày 15/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể (phương án giá đất) làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Nút giao thông khác mức đường Hùng Vương – Quốc lộ 1 tại An Phú, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (*chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

~~Điều 2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh~~
và pháp luật về tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu đề nghị phê duyệt giá đất cụ thể.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch UBND thành phố Tuy Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Hiên

Giá đất cụ thể (phương án giá đất) làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Nút giao thông khác mức đường Hùng Vương – Quốc lộ 1 tại An Phú, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(Kèm theo Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND tỉnh)

TT	Thửa đất số	Loại đất	Vị trí đất	Đường, đoạn đường hoặc khu vực	Thời hạn sử dụng đất	Giá đất do UBND Tỉnh quy định hiện hành (đồng/m ²)	Phương án giá đất (đồng/m ²)
Mảnh trích đo địa chính khu đất số 01-2020 do Công ty TNHH Tứ Thiện đo vẽ tháng 02/2020, được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 04/3/2020							
1	16 thửa đất gồm các thửa đất số 219, 221, 768, 932, 933, 904, 903, 902, 901, 900, 929, 899, 942, 1016, 155 và 273	Đất ở tại nông thôn (ONT)	1	Quốc lộ 1 (đoạn qua địa bàn xã), đoạn từ ranh giới xã Bình Kiến, An Phú đến Km 1323+200	Lâu dài	6.000.000	11.800.000
2	01 thửa đất số 887	Đất ở tại nông thôn (ONT)	1	Đại lộ Hùng Vương (đoạn từ ranh giới xã Bình Kiến và xã An Phú đến Quốc lộ 1) và đường Quốc lộ 1	Lâu dài	9.600.000	14.160.000
3	01 thửa đất số 156	Đất ở tại nông thôn (ONT)	3	Quốc lộ 1 (đoạn qua địa bàn xã), đoạn từ ranh giới xã Bình Kiến, An Phú đến Km 1323+200	Lâu dài	3.000.000	5.900.000
4	13 thửa đất gồm thửa đất số 105, 194, 188, 108, 109, 186, 187, 905, 189, 190, 191, 193, 212	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	1	Thôn Chính Nghĩa, xã An Phú, TP Tuy Hòa	Xem như lâu dài	46.000	68.000
5	30 thửa đất gồm các thửa đất số 126, 127, 157, 124, 122, 118, 117, 115, 112, 106, 111, 172, 173, 174, 175, 181, 182, 183, 184, 110, 168, 169, 170, 119, 171, 533, 185, 236, 898 và 133	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	1	Thôn Chính Nghĩa, xã An Phú, TP Tuy Hòa	Xem như lâu dài	46.000	68.000
6	38 thửa đất gồm các thửa đất số 910, 909, 908, 907, 943, 941, 227, 163, 1010, 1011, 1012, 1013, 1014, 1015, 666,	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	1	Thôn Chính Nghĩa, xã An Phú, TP Tuy Hòa	Xem như lâu dài	46.000	68.000

	889, 890, 892, 893, 945, 891, 539, 152, 238, 924, 273, 219, 221, 768, 932, 904, 903, 902, 901, 900, 899, 156, 887						
7	09 thửa đất gồm các thửa đất số 107, 911, 913, 914, 915, 916, 917, 912, 918	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	1	Thôn Chính Nghĩa, xã An Phú, TP Tuy Hòa	Xem như lâu dài	52.000	58.000
8	06 thửa đất gồm các thửa đất số 882, 881, 76, 883, 931, 930	Đất rừng sản xuất (RSX)	1	Thôn Chính Nghĩa, xã An Phú, TP Tuy Hòa	Xem như lâu dài	15.000	18.000